

Tạp chí Giáo dục

TẠP CHÍ LÝ LUẬN - KHOA HỌC GIÁO DỤC * BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
JOURNAL OF EDUCATIONAL SCIENCE - MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING



- ☀ Định hướng phát triển các trường sư phạm
- ☀ EGRA - một phương pháp đánh giá năng lực đọc của học sinh tiểu học cần được ứng dụng ở trường tiểu học

TẠP CHÍ GIÁO DỤC

JOURNAL OF EDUCATION

ISSN 2354-0753

Năm thứ mười lăm
Ra ngày 5 và 20 hàng tháng

367

(Kì 1 - 10/2015)

Tổng biên tập:

TS. LÊ THANH OAI

Hội đồng biên tập:

GS.TS. ĐINH QUANG BẢO
GS.TS. PHẠM TẤT DONG
PGS.TS. ĐỖ TIẾN ĐẠT
GS.TSKH. HOÀNG NGỌC HÀ
GS.VS. PHẠM MINH HẠC
GS.TS. NGUYỄN THANH HÙNG
PGS.TS. ĐÀO THÁI LAI
PGS.TS. NGUYỄN VĂN LÊ
GS.TSKH. BÀNH TIẾN LONG
GS.TS. NGUYỄN THỊ MỸ LỘC
GS.TSKH. TRẦN VĂN NHUNG
PGS.TS. NGUYỄN QUANG NINH
PGS.TS. PHẠM HỒNG QUANG
PGS.TS. TÔ BÁ TRƯỞNG
GS.TSKH. THÁI DUY TUYẾN

Trụ sở:

4 Trịnh Hoài Đức - Hà Nội
Fax: (04) 37345363
Email: tapchigiaoduc@moet.edu.vn
Ban Biên tập: (04) 37343571
Email: bbtgiaoduc@yahoo.com.vn
Ban Thư kí tòa soạn: (04) 37345663
Email: btkcgiaoduc26@yahoo.com.vn
Ban Trị sự: (04) 37345363
Email: Btsgiaoduc@yahoo.com.vn

Tài khoản:

10201000026240 Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh TP. Hà Nội; 1400201033693 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Láng Hạ - Hà Nội.

Trình bày:

HOÀNG MAI - HUY HÙNG

Giấy phép xuất bản:

100/GP-VH TT, ngày 28/3/2001

In tại:

Công ty Cổ phần In Công Đoàn Việt Nam
167 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.

Ảnh bìa 1: Hội thảo khoa học quốc tế
"Phát triển chương trình đào tạo giáo viên
- cơ hội và thách thức" tại Trường ĐHSP
- Đại học Thái Nguyên.

Giá: 23.000đ

Mục lục - Contents

DIỄN ĐÀN ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Đinh Quang Báo: Định hướng phát triển các trường sư phạm. The orientation of pedagogical schools development. 1

QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Phạm Hữu Lộc: Tiếp cận CDIO trong xây dựng chương trình đào tạo liên thông nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội. CDIO approach in building articulation training program to enhance the quality of education to meet the needs of society. 4

Đỗ Thành Đô: Giải pháp đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật cho sinh viên ở các tỉnh vùng Trung Trung bộ hiện nay. Solutions to innovate the contents, forms and methods of legal education to students in the Middle-Central provinces today. 7

Nguyễn Văn Thiệu: Thực trạng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục tư tưởng chính trị cho sinh viên một số trường đại học, cao đẳng ở Vĩnh Long hiện nay. Current situation and measures to enhance the effectiveness of political and ideological education for students at universities and colleges in Vinh Long today. 11

Hoàng Thị Minh Phương: Quản lý đào tạo giáo viên dạy nghề đáp ứng nhu cầu xã hội. Management of training vocational teachers to meet social needs. 14

LÍ LUẬN GIÁO DỤC - DẠY HỌC

Ninh Thị Bạch Diệp - Nguyễn Văn Hồng: Đổi mới kiểm tra, đánh giá trong dạy học theo nhóm nhỏ. Innovating assessment, evaluation of teaching in small groups. 18

Uông Thị Lê Na: Nghiên cứu hiệu quả của dạy học vi mô trong đào tạo "giáo viên tương lai" ở các trường cao đẳng. Study on the effectiveness of micro teaching in training "future teachers" in colleges. 21

Nguyễn Trí: EGRA - một phương pháp đánh giá năng lực đọc của học sinh tiểu học cần được ứng dụng ở trường tiểu học. EGRA - A method of evaluating reading ability of primary students should be applied in primary schools. 23

Phạm Thị Thu Hương: Phát triển năng lực đọc hiểu truyện cổ tích cho học sinh ở trường phổ thông. Developing the competency of fairytales reading comprehension for students at schools. 26

Dương Mạnh Quân: Một số biện pháp phát triển năng lực liên tưởng, tưởng tượng cho học sinh trung học phổ thông tỉnh Điện Biên qua dạy học bài "Chiến thắng Mtao Mxây" (Ngữ văn 10). Some measures to develop association, imagination competency for high school students in Dien Bien province by teaching "Winning Mtao Mxay" (Literature 10). 29

Trần Quốc Tuấn: Giảng dạy bài "Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc

(1953-1954)" cho học sinh lớp 12 trung học phổ thông các tỉnh Nam Trung bộ và Tây Nguyên. Teaching the lesson "The national war of resistance against French colonialists ended (1953-1954)" for Grade 12 high school students of the South Central Coast and Central Highlands region. 31

Vũ Hữu Tuyên - Bùi Minh Đức: Khai thác ý nghĩa thực tiễn của một số tri thức về mặt trụ (Hình học 12). Exploiting the practical significance of some knowledge of the algebraic cylinder (Geometry 12). 35

Phạm Xuân Chung: Phát triển năng lực đánh giá kết quả học tập cho sinh viên ngành sư phạm toán thông qua dạy học các học phần nghiệp vụ sư phạm. Developing the competence of learning outcomes assessment for mathematical pedagogical students through teaching the pedagogic professional module. 38

Dương Xuân Quý: Xây dựng chuyên đề dạy học tích hợp về thiết bị kĩ thuật trong dạy học Vật lí ở trường phổ thông. Designing integrated teaching topics about technical devices for Physics education at the secondary schools. 41

Vũ Minh Tuấn: Phát triển năng lực tư duy cho học sinh trung học phổ thông qua hệ thống câu hỏi và bài tập hóa học về các nguyên tố nhóm oxi - lưu huỳnh (Hóa học 10). Thinking capacity development for high school students through a system of questions and exercises about elements of oxygen-sulfur group (Chemistry 10). 44

Đặng Thị Dạ Thủy - Nguyễn Thị Kim Nữ: Thiết kế bài tập phát triển năng lực giải quyết vấn đề trong dạy học Sinh học 8. Designing problem solving competency development exercises in teaching 8th Biology. 47

Đặng Danh Hương - Nguyễn Thành Long: Sử dụng công nghệ thông tin vào dạy bài "Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và biên giới quốc gia" (Giáo dục quốc phòng - An ninh 11). Use of information technology in teaching "Safeguarding sovereignty and national borders (National Defense and Security Education 11). 50

Nguyễn Văn Y: Sử dụng phần mềm đánh giá nội dung bài giảng từ phiếu khảo sát thông tin tại Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh. Using the software of evaluation package for lesson plans from information surveys at Ho Chi Minh city Cadre Academy. 54

Nguyễn Văn Quý: Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng giờ tập thể dục thể thao ngoại khóa cho sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn. Research on solutions to improve the quality of extracurricular sports training hours for students in Lang Son College of Education. 58

Đỗ Khánh Năm: Một số biện pháp rèn luyện kĩ năng thương lượng cho sinh viên ngành quản trị nhân lực - Trường Đại học Nội vụ Hà Nội. Some measures for negotiating skills training for students of human resource management - Hanoi University of Home Affairs. 63

TIẾP CẬN CDIO TRONG XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO ĐÁP ỨNG NHU CẦU XÃ HỘI

TS. PHẠM HỮU LỘC*

Abstract: CDIO model was applied in universities of the world and started in Vietnam to improve the quality of training adapted in the context of international integration. The study of reforming a transfer training program in CDIO approach in higher education is needed for the colleges to reform the schools to meet the new demands on human resources in industrialization and modernization of the country.

CDIO (Conceive Design Implement Operate - Hình thành ý tưởng - Thiết kế - Triển khai - Vận hành) là hệ thống các phương pháp và hình thức tích lũy tri thức, kỹ năng (KN) trong việc đào tạo (ĐT) sinh viên (SV) để đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội. Trong bối cảnh GD-ĐT theo nhu cầu của xã hội hiện nay, học tập suốt đời đã trở thành nhân tố quan trọng đối với sự phát triển KT-XH, thì việc tiếp cận CDIO có thể xem là giải pháp tổng thể trên cơ sở xác định "chuẩn đầu ra" (CĐR) để thiết kế chương trình và phương pháp ĐT theo một quy trình khoa học, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản thành nước công nghiệp hóa theo hướng hiện đại.

1. Liên thông và đào tạo liên thông (ĐTLT)

1.1. Khái niệm:

- *Liên thông* là sự "ghép nối" của hai hoặc nhiều hệ thống giáo dục trong một cộng đồng trường học để giúp SV chuyển dễ dàng từ một bậc học này tới một bậc học khác mà không phải học lại hoặc mất tín chỉ. Bên cạnh đó, cho phép SV đạt được trình độ KN cao hơn sau khi hoàn tất khóa học.

- *ĐTLT* là quá trình ĐT được phép công nhận và chuyển đổi kết quả học tập từ một bậc học này tới một hay vài bậc học khác trong hệ thống ĐT nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí ĐT.

ĐTLT có ưu điểm: + Nâng cao hiệu quả ĐT nhờ giảm thời gian ĐT lại những kiến thức và KN người học đã được ĐT ở các bậc học trước; + Đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người học và đòi hỏi của thị trường lao động; + Tạo điều kiện phân luồng cho học sinh sau trung học cơ sở và nâng cao vị trí của trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng trở thành đối tác

của các trường đại học trong quá trình ĐTLT; + Nâng cao chất lượng ĐT và vai trò quản lý nhà nước của Bộ GD-ĐT; + Giải tỏa áp lực tâm lý của một phần không nhỏ các gia đình và học sinh khi vẫn quan niệm "đại học là con đường duy nhất để phát triển sự nghiệp". Trong đó, mục tiêu bao trùm của ĐTLT là ĐT lực lượng lao động chất lượng cao, đa dạng và hiệu quả để đáp ứng đòi hỏi của nền kinh tế đang phát triển.

1.2. Các hình thức đào tạo liên thông:

- *Liên thông dọc* (Vertical Articulation): chuyển từ bậc học thấp lên bậc học cao hơn trong cùng một ngành học (đây là hình thức thuận lợi nhất, dễ triển khai và có tính hệ thống); tạo điều kiện cho người lao động không ngừng nâng cao trình độ và học tập suốt đời nhằm tiến lên tới "đỉnh cao" nghề nghiệp. Chẳng hạn, từ trung học chuyên nghiệp lên cao đẳng, từ trung học chuyên nghiệp lên đại học, từ cao đẳng lên đại học trong cùng một ngành học...

- *Liên thông ngang* (Horizontal Articulation): chuyển trong cùng bậc học để có thể học thêm những ngành tương tự hoặc khác ngành. Ví dụ, học văn bằng 2 đại học sau khi đã tốt nghiệp đại học.

- *Liên thông chéo* (Diagonal Articulation): chuyển sang bậc học khác với chuyên ngành đào tạo không giống bậc học trước. Ví dụ, học văn bằng thạc sĩ *Quản trị kinh doanh* sau khi đã tốt nghiệp đại học không phải chuyên ngành *Quản trị kinh doanh* (cần học bổ sung kiến thức một số môn học chuyển đổi).

- *Liên thông ngược* (Reversed Articulation): chuyển từ bậc học cao hơn xuống bậc học thấp hơn để rèn

* Trưởng Cao đẳng kỹ thuật Lý Tự Trọng, TP. Hồ Chí Minh

luyện những KN cần thiết (có thể không liên hệ với chuyên môn đã học). Ví dụ, dành cho người có cấp trình độ cao hơn muốn học ở cấp trình độ thấp hơn (đa số là do chuyển đổi nghề nghiệp, nhu cầu cập nhật, bổ sung kiến thức cho những công việc mà người học đang trực tiếp đảm trách, học thêm một nghề mới để trang bị thêm kiến thức, nhằm dễ dàng xin việc làm hơn).

2. ĐT theo tiếp cận CDIO

CDIO xuất phát từ ý tưởng của các khối ngành kỹ thuật thuộc 4 trường đại học, học viện lớn trên thế giới vào những năm 90 của thế kỷ XX, nhằm đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp và các bên liên quan khác trong việc nâng cao khả năng của SV tiếp thu các kiến thức cơ bản; đồng thời, đẩy mạnh việc học các KN cá nhân, giao tiếp, kiến tạo sản phẩm, quy trình và hệ thống.

Xây dựng CĐR theo tiếp cận CDIO cần được nghiên cứu cho loại hình ĐTLT trên cơ sở xác định CĐR và quy trình xây dựng khoa học, hợp lý với sự đóng góp của doanh nghiệp, nhằm đáp ứng nhu cầu học tập nâng cao trình độ tương ứng với vị trí việc làm của người lao động theo xu thế học tập suốt đời.

2.1. Đề xướng CDIO gồm các nội dung cốt lõi: 1 tầm nhìn, 3 mục tiêu, 1 đề cương CDIO và 12 tiêu chuẩn; trong đó, đề cương CDIO là điểm xuất phát của việc thiết kế và phát triển CĐR, là một văn bản toàn diện về CĐR.

- **Tầm nhìn CDIO:** Đề xướng CDIO đề xuất một nền giáo dục nhấn mạnh nền tảng cơ bản trong bối cảnh hình thành ý tưởng - thiết kế - triển khai - vận hành sản phẩm, quy trình và hệ thống. Những điểm nổi bật của tầm nhìn CDIO là: + Giáo dục dựa trên các mục tiêu của "chương trình học" và CĐR; + CĐR của SV được đáp ứng bằng việc xây dựng một chuỗi kinh nghiệm học tập tích hợp, trong đó có một số kinh nghiệm mang tính trải nghiệm; + Xây dựng "chuỗi kinh nghiệm học tập" thích hợp sẽ tạo tác dụng kép, vừa ĐT các KN vừa hỗ trợ việc lĩnh hội chuyên sâu hơn các nền tảng cơ bản.

- **Mục tiêu:** Đề xướng CDIO có 3 mục tiêu tổng quát: Nhằm ĐT những SV có khả năng: + Nắm vững kiến thức chuyên sâu hơn về quy tắc cơ bản của kỹ thuật; + Dẫn đầu trong kiến tạo và vận hành sản phẩm, quy trình và hệ thống mới; + Hiểu được tầm quan trọng và tác động chiến lược của nghiên cứu và phát triển kỹ thuật đối với xã hội.

Mục tiêu cụ thể của đề xướng CDIO là "Xây dựng một tổ hợp mục tiêu hợp lý, hoàn chỉnh, thông dụng và có thể khái quát hóa cho giáo dục kỹ thuật". Các mục tiêu này chính là những CĐR được phân thành 4

CĐR cao cấp, thể hiện 4 *năng lực then chốt* mà một kỹ sư cần phải sở hữu, đó là: + Kiến thức cơ bản và lập luận ngành; + KN, tổ chức cá nhân và nghề nghiệp; + KN giao tiếp và làm việc theo nhóm; + Hình thành C-D-I-O trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội.

- **Tiêu chuẩn CDIO** là những tiêu chuẩn dùng để hệ thống hóa các nguyên tắc hướng dẫn thiết kế và phát triển CĐR, nhằm xác định các tính chất đặc trưng của một chương trình CDIO; đóng vai trò hướng dẫn việc cải cách và kiểm định chương trình giáo dục, tạo ra các đối sánh và mục tiêu được ứng dụng trên toàn thế giới, tạo ra một khung CĐR để cải tiến liên tục, gồm: + **Tiêu chuẩn 1: Bối cảnh.** Tiếp nhận nguyên lý việc phát triển và triển khai chu trình vòng đời của sản phẩm, quy trình và hệ thống hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành là bối cảnh giáo dục kỹ thuật; + **Tiêu chuẩn 2: CĐR.** CĐR chi tiết, cụ thể đối với KN cá nhân và giao tiếp, KN xây dựng sản phẩm, quy trình, hệ thống cũng như kiến thức chuyên môn phải nhất quán với các mục tiêu chương trình và được phê chuẩn bởi các bên liên quan của chương trình; + **Tiêu chuẩn 3: CĐR tích hợp.** CĐR được thiết kế với các môn học chuyên ngành hỗ trợ lẫn nhau, có một kế hoạch rõ ràng để kết hợp các KN cá nhân và giao tiếp; các KN kiến tạo sản phẩm, quy trình và hệ thống; + **Tiêu chuẩn 4: Giới thiệu về kỹ thuật.** Môn học giới thiệu cung cấp khung chung cho việc thực hành kỹ thuật trong việc kiến tạo sản phẩm, quy trình, hệ thống; giới thiệu các KN cá nhân và giao tiếp cần thiết; + **Tiêu chuẩn 5: Các trải nghiệm thiết kế - triển khai.** Một CĐR bao gồm ít nhất hai trải nghiệm thiết kế - triển khai (thường là một ở trình độ cơ bản và một ở trình độ nâng cao); + **Tiêu chuẩn 6: Không gian làm việc kỹ thuật.** Không gian làm việc kỹ thuật và các phòng thí nghiệm hỗ trợ, khuyến khích học tập thực hành trong việc xây dựng sản phẩm, quy trình, hệ thống, kiến thức chuyên ngành và kiến thức xã hội; + **Tiêu chuẩn 7: Các trải nghiệm học tập tích hợp.** Các trải nghiệm học tập tích hợp đưa đến sự tiếp thu các kiến thức chuyên ngành cũng như các KN cá nhân và giao tiếp, KN kiến tạo sản phẩm, quy trình và hệ thống; + **Tiêu chuẩn 8: Học chủ động.** Dạy và học dựa trên phương pháp học tập chủ động và trải nghiệm; + **Tiêu chuẩn 9: Nâng cao năng lực về KN của giảng viên** trong các KN cá nhân và giao tiếp, xây dựng sản phẩm, quy trình và hệ thống; + **Tiêu chuẩn 10: Nâng cao năng lực giảng dạy của giảng viên** trong việc cung cấp các trải nghiệm học tập tích hợp, sử dụng các phương pháp học tập chủ động và trải nghiệm, đánh giá học tập của SV; + **Tiêu chuẩn 11: Đánh giá việc học tập của SV về các KN cá nhân và giao tiếp,** kiến

tạo sản phẩm, quy trình và hệ thống cũng như kiến thức chuyên ngành; + *Tiêu chuẩn 12: Kiểm định chương trình*. Xây dựng hệ thống để kiểm định chương trình theo 12 tiêu chuẩn này và cung cấp phản hồi đến SV, giảng viên và các bên liên quan khác cho mục đích cải tiến liên tục.

2.2. Phương pháp tiếp cận CDIO. ĐT theo tiếp cận CDIO mang lại những lợi ích: Gắn kết được cơ sở ĐT với yêu cầu của người tuyển dụng lao động, từ đó, thu hẹp khoảng cách giữa ĐT của nhà trường và yêu cầu của nhà sử dụng lao động; giúp người học phát triển toàn diện với các “KN cứng” và “KN mềm” để nhanh chóng thích ứng với môi trường làm việc luôn thay đổi; giúp nhà trường xây dựng và thiết kế các CĐR theo một quy trình chuẩn; quá trình ĐT có tính liên thông và gắn kết khoa học chặt chẽ; gắn phát triển CĐR với chuyển tải và đánh giá hiệu quả GD-ĐT, góp phần nâng cao chất lượng của nhà trường.

3. Xây dựng chương trình ĐTLT theo định hướng tiếp cận CDIO (xem hình 1)



Hình 1. Xây dựng chương trình ĐTLT theo hướng tiếp cận CDIO

Theo hướng tiếp cận CDIO, khi xây dựng chương trình đào tạo (CTĐT) phải xây dựng CĐR, thiết kế khung chương trình và cách chuyển tải nó trong thực tiễn. Thiết kế CTĐT từ căn bản đến nâng cao, không gian học tập, đánh giá chương trình học, giáo trình tích hợp, phương pháp dạy và học chủ động..., chương trình được thiết kế trên cơ sở khảo sát kỹ yêu cầu thực tế xã hội mà nhà tuyển dụng lao động đòi hỏi, SV tốt nghiệp ra trường thích nghi kịp thời với môi trường làm việc mới.

Quy trình thực hiện xây dựng CTĐT theo phương pháp tiếp cận CDIO, gồm:

3.1. Hoàn thiện CĐR tất cả các ngành ĐT theo phương pháp tiếp cận CDIO: - CĐR của ngành thể hiện mục tiêu ĐT cụ thể, gồm các nội dung và mức độ về kiến thức, KN, thái độ, công việc mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng chương trình hoặc ngành ĐT; - Các CĐR của ngành phải đạt từ cấp độ 3 trở lên (theo thang đánh giá năng lực của Bloom); - Mỗi môn

học có CĐR và “đề cương môn học” (ĐCMH) với nhiệm vụ trang bị kiến thức, KN và phẩm chất đạo đức để tích hợp tạo nên CĐR của ngành ĐT; CĐR được sử dụng để làm cơ sở thiết kế, điều chỉnh CTĐT, tổ chức thực thi CTĐT và đánh giá kết quả ĐT.

3.2. Hoàn chỉnh CTĐT các ngành đáp ứng CĐR:

- CTĐT được hoàn thiện theo cách tiếp cận CDIO là CTĐT tích hợp và trải nghiệm nhằm ĐT SV toàn diện cả về kiến thức chuyên môn, KN và phẩm chất đạo đức, đặc biệt, nhấn mạnh năng lực ứng dụng - thực hành và ý thức trách nhiệm xã hội; đảm bảo cho SV được học tập chủ động và trải nghiệm thực tiễn.

- CTĐT phải bảo đảm tính hiện đại của kiến thức, đồng thời, tăng cường tính ứng dụng, thực tiễn. CTĐT cần mềm dẻo, linh hoạt, dễ lắp ghép để tạo điều kiện cơ động trong tổ chức ĐT và giúp SV có cơ hội hướng cách học tập của mình theo khả năng và nhu cầu xã hội.

- Nội dung tích hợp của CTĐT gồm: + Mục tiêu của CTĐT được tích hợp bằng kết quả đạt được của từng môn học và từng khối kiến thức; + Các khối kiến thức và các môn học có sự liên quan chặt chẽ, hỗ trợ, bổ sung lẫn nhau để đạt mục tiêu của CTĐT; + Rèn luyện KN được đan xen trong quá trình học tập thông qua các môn học chuyên môn và những hoạt động ngoại khóa; + CTĐT tích hợp được minh họa qua bảng đối chứng sự đóng góp của từng môn học và các hoạt động hỗ trợ khác vào việc thực hiện các nội dung CĐR của CTĐT.

- CTĐT trải nghiệm nhằm rèn luyện các kiến thức, KN và phẩm chất đạo đức của SV thông qua thực hành, thực tế hoặc những tình huống tương tự trong thực tế (mô phỏng, bài tập lớn, đồ án môn học, thực tập thực tế, nghiên cứu khoa học, luận văn tốt nghiệp... và các nội dung này có thể lồng vào môn học dưới dạng một phần của môn học hoặc một học phần riêng.

- CĐR và ĐCMH trong CTĐT: + CĐR của môn học thể hiện sự đáp ứng của môn học đối với CĐR của CTĐT và góp phần hỗ trợ kiến thức cho các môn học khác của CTĐT; + ĐCMH thể hiện nội dung chi tiết môn học, cách thức giảng - học để đạt CĐR, cách thức kiểm tra, đánh giá môn học và tỉ trọng các điểm thành phần trong điểm môn học.

3.3. Xây dựng phương pháp giảng - học để đạt CĐR. Dựa vào CĐR của CTĐT và CĐR của môn học nghiên cứu, đề xuất phương pháp dạy - học để đạt được các yêu cầu của CĐR.

3.4. Xây dựng quy trình đánh giá việc thực hiện CTĐT và mức độ đáp ứng CĐR:

(Xem tiếp trang 10)

lồng ghép tuyên truyền miệng với trợ giúp pháp lý lưu động; biên soạn và phát hành tài liệu tuyên truyền như hỏi đáp PL, tờ rơi, tờ tin, panô, áp phích tuyên truyền PL; phổ biến GDPL thông qua hình thức trả lời, giải đáp, tư vấn của cơ quan nhà nước đối với những thắc mắc về PL, về quyền lợi và nghĩa vụ của SV; phổ biến PL trên các phương tiện truyền thông như bản tin, website, chương trình phát thanh nội bộ, thư điện tử của nhà trường v.v...

2.3.3. Sử dụng kết hợp nhiều hình thức tuyên truyền khác như: tổ chức báo cáo chuyên đề về PL, phát huy hiệu quả các hình thức thi viết, vẽ tranh, sân khấu hóa tình huống PL, thi tìm hiểu PL, xem phim tư liệu; đổi mới và đa dạng hóa các hình thức thi tìm hiểu PL, giao lưu văn hóa, văn nghệ có lồng ghép nội dung GDPL; phát động phong trào "văn hóa PL" trong nhà trường, hội thảo, tọa đàm chuyên đề PL; xây dựng và quảng bá tủ sách PL; tổ chức ngày hội giới thiệu sách, tạp chí, báo và các văn bản quy phạm PL, xây dựng phong trào đọc sách PL trong SV, xây dựng các mô hình câu lạc bộ "SV với PL", qua đó, tăng cường thêm tính hiệu quả của công tác GDPL cho SV.

Việc đổi mới và nâng cao chất lượng công tác GDPL cho SV các trường ĐH ở khu vực TTB cần xác định là công việc vừa có tính cấp thiết vừa có tính lâu dài, đòi hỏi sự nỗ lực và phấn đấu của tất cả các bên liên quan. Các trường ĐH ở khu vực TTB cần xây dựng chương trình hành động cụ thể để triển khai Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, GDPL, nâng cao ý thức chấp hành PL của cán bộ, nhân dân; Kết luận số 04-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương về kết quả thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, GDPL, nâng cao ý thức chấp hành PL của cán bộ, nhân dân. □

(1) **Luật phổ biến, giáo dục pháp luật.** NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, H. 2012.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng. *Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân.*
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. *Kết luận 04-KL/TW ngày 19/4/2011 về kết quả thực hiện Chỉ thị số 32/CT-TW, ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân.*

3. Bộ GD-ĐT. *Thống kê giáo dục và đào tạo năm học 2011-2012, 2012-2013, 2013-2014.*

4. Thủ tướng Chính phủ. *Quyết định số 1928/QĐ-TTg ngày 20/11/2009 về phê duyệt Đề án "Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường".*

5. Nguyễn Quốc Sửu. **Giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức hành chính trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.** NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, H. 2011.

Tiếp cận CDIO trong xây dựng...

(Tiếp theo trang 6)

- Đánh giá hiệu quả của CTĐT dựa trên các minh chứng cụ thể về dữ liệu đầu vào, quy trình ĐT và các dữ liệu đầu ra, trong đó: + Dữ liệu đầu vào gồm: CĐR, CTĐT, ĐCMH, phương pháp dạy - học, kiểm tra, đánh giá, cơ sở vật chất và các nguồn lực phục vụ ĐT; + Quy trình ĐT gồm: quy trình giảng dạy và đánh giá, kết quả, chất lượng và hiệu quả ĐT theo các tiêu chuẩn, tiêu chí CDIO (được vận dụng và cụ thể hóa với 5 mức độ); + Các dữ liệu đầu ra, gồm: kết quả học tập, việc làm của SV, mức độ đạt CĐR của CTĐT.

- Các minh chứng phục vụ đánh giá CTĐT được thu thập thường xuyên, sử dụng đánh giá hàng năm và tự đánh giá định kỳ phục vụ cho việc cải tiến nâng cấp, đổi mới CTĐT.

Việc nghiên cứu, tiếp cận mô hình CDIO để chuẩn hóa CĐR, phương pháp dạy - học, môi trường học tập trong ĐTLT nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, góp phần tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của xã hội là sự tất yếu cho các trường đại học, cao đẳng ở Việt Nam; đặc biệt, trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT. **Hội thảo xây dựng chương trình đào tạo liên thông.** Ban chỉ đạo xây dựng chương trình liên thông, H. 2001.
2. Trần Khánh Đức. **Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỉ XXI.** NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2014.
3. Hồ Tấn Nhựt - Đoàn Thị Minh Trinh (biên dịch). **Cải cách và xây dựng chương trình đào tạo kĩ thuật theo phương pháp tiếp cận CDIO.** NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2010.
4. Ban Chấp hành Trung ương. *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.*